

HƯỚNG DẪN
Đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập

Căn cứ Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập; để đánh giá việc triển khai học tập suốt đời của các đơn vị và đánh giá năng lực, phẩm chất của công chức, viên chức, người lao động nhằm tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh hướng dẫn đánh giá, chấm điểm, xếp loại Đơn vị học tập cụ thể như sau:

I. Mục đích

1. Tạo cơ hội và điều kiện cho thành viên trong đơn vị được học tập thường xuyên, học tập suốt đời, xây dựng hình mẫu công dân học tập trong các đơn vị, làm nòng cốt trong việc xây dựng các mô hình học tập trong cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội học tập.
2. Cung cấp cơ sở để xây dựng kế hoạch thực hiện và huy động nguồn lực hỗ trợ việc học tập, bồi dưỡng nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong đơn vị.
3. Xác định rõ các tiêu chí để xem xét đánh giá kết quả công tác hàng năm của đơn vị và các thành viên trong đơn vị, đảm bảo công khai, công bằng, minh bạch và khách quan.

II. Tiêu chí đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập

1. Các tiêu chí về các điều kiện để xây dựng Đơn vị học tập
 - a) Đơn vị có chủ trương hoặc kế hoạch cho thành viên học tập thường xuyên;
 - b) Đơn vị có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập;
 - c) Đơn vị quan tâm đầu tư các nguồn lực, bao gồm tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị và những điều kiện đảm bảo để đáp ứng nhu cầu học tập của thành viên.
2. Các tiêu chí về kết quả học tập của thành viên
 - a) 100% thành viên trong đơn vị có kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng hàng năm được lãnh đạo đơn vị phê duyệt;
 - b) 100% thành viên trong đơn vị tuân thủ kỷ luật lao động, nội quy làm việc trong đơn vị, có tinh thần hợp tác, đoàn kết và trao đổi;

c) 100% thành viên trong đơn vị hoàn thành đầy đủ chương trình học tập, bồi dưỡng bắt buộc theo quy định của nhà nước;

d) 100% thành viên trong đơn vị đạt từ danh hiệu “Lao động tiên tiến” trở lên.

3. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả, tác động của xây dựng Đơn vị học tập

a) 100% thành viên trong đơn vị đáp ứng đầy đủ các năng lực và phẩm chất của Công dân học tập, gồm:

- Có ý thức tuân thủ pháp luật; thực hiện quyền và trách nhiệm công dân đối với gia đình, xã hội;

- Có cam kết học tập suốt đời để phát triển bản thân;

- Có ý thức tổ chức việc học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng;

- Có lối sống lành mạnh, tôn trọng và hòa hợp với môi trường;

- Biết sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc;

- Có tư duy phản biện, sáng tạo, tính chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề;

- Tôn trọng và thực hiện bình đẳng giới;

- Hiểu rõ, trân trọng sự đa dạng văn hóa và có cách ứng xử văn hóa phù hợp.

b) Đơn vị đạt từ danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên;

c) Góp phần tạo lập môi trường chia sẻ tri thức với các đơn vị khác.

III. Đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập

1. Đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập theo phương thức chấm điểm. Tổng số điểm tối đa cho các tiêu chí là 100 điểm. Việc đánh giá phải căn cứ vào kết quả đạt được của từng tiêu chí, có minh chứng cụ thể (*Theo Phụ lục gửi kèm*).

2. Xếp loại:

a) Loại tốt: Tổng số điểm đạt được từ 85 điểm đến 100 điểm;

b) Loại khá: Tổng số điểm đạt được từ 70 điểm đến dưới 85 điểm;

c) Loại trung bình: Tổng số điểm đạt được từ 50 điểm đến dưới 70 điểm;

d) Loại chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

3. Việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập được thực hiện định kỳ mỗi năm một lần.

IV. Quy trình đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập

1. Các đơn vị tổ chức tự đánh giá, xếp loại theo các tiêu chí quy định tại mục II của Hướng dẫn này.

Thời gian tự đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập được tổ chức thực hiện trong tháng 12 hàng năm.

Thời gian gửi báo cáo kết quả tự đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập chậm nhất là ngày 25 tháng 01 hàng năm về Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với các đơn vị cấp tỉnh); gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện/thành phố (đối với các đơn vị cấp huyện).

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo (huyện, thành phố) chủ trì tổ chức kiểm tra việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập của các đơn vị và tổng hợp kết quả trình Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập và công bố công khai.

Thời gian tổ chức kiểm tra việc đánh giá, xếp loại của các đơn vị được thực hiện xong trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

V. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan tham mưu giúp việc cho Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị- xã hội cấp tỉnh

a) Xây dựng kế hoạch và các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên trong đơn vị học tập thường xuyên;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập hàng năm theo đúng quy định;

c) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí đảm bảo cho công tác triển khai thực hiện kế hoạch, công tác kiểm tra, tổng kết việc đánh giá xếp loại Đơn vị học tập.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh tổ chức hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập của các đơn vị trên địa bàn tỉnh;

b) Tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập của các đơn vị, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận hàng năm; gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 3 hàng năm; căn cứ vào quá trình đánh giá thực tiễn đề xuất, báo cáo UBND tỉnh những nội dung cần điều chỉnh quy định hướng dẫn cho phù hợp với đặc điểm tình hình ở địa phương.

3. Hội Khuyến học tỉnh

Chỉ đạo Hội Khuyến học các cấp căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình tích cực phối hợp với ngành Giáo dục tham mưu cho cấp ủy, chính quyền nhằm thực hiện tốt phong trào xây dựng Đơn vị học tập tại địa phương.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo các đơn vị cấp huyện xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập;

b) Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học cấp huyện tổ chức hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập của các đơn vị cấp huyện trên địa bàn; hàng năm gửi báo cáo kết quả về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 10 tháng 3 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Trên đây là hướng dẫn đánh giá, xếp loại Đơn vị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; UBND tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung nội dung của Hướng dẫn, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để xem xét, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các thành viên BCD xây dựng XHHT tỉnh;
- Lưu: VT, VP6, VP1.

BT_VP6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tổng Quang Thìn

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM “ĐƠN VỊ HỌC TẬP”

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số /HD-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Ninh Bình)

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Các minh chứng	Gợi ý cho điểm
1	Tiêu chí về điều kiện để xây dựng Đơn vị học tập	30		
1.1	Đơn vị có kế hoạch cho các thành viên học tập thường xuyên	10	<ul style="list-style-type: none">- Nghị quyết hoặc chỉ tiêu phần đầu của cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức, đoàn thể trong đơn vị.- Kế hoạch học tập thường xuyên của đơn vị (VD: các sinh hoạt chuyên đề theo tháng, theo quý...)	<ul style="list-style-type: none">- Đơn vị có xây dựng kế hoạch riêng: 10 điểm- Có xây dựng kế hoạch nhưng lồng ghép trong kế hoạch công tác năm của đơn vị: 5 điểm- Không xây dựng kế hoạch: 0 điểm
1.2	Đơn vị có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập	10	<ul style="list-style-type: none">- Tiêu chí thi đua, đánh giá, quy hoạch, quy định về chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đề bạt cán bộ của đơn vị- Các quy định cụ thể của đơn vị nhằm động viên thành viên học tập: vật chất và tinh thần, động viên, khen thưởng	<ul style="list-style-type: none">- Có các quy định khả thi: 10 điểm.- Không có qui định: 0 điểm
1.3	Đơn vị quan tâm đầu tư các nguồn lực gồm tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị và những điều kiện đảm bảo để đáp ứng nhu cầu học tập của thành viên	10	<ul style="list-style-type: none">- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện khác phục vụ học tập, bồi dưỡng.- Có kế hoạch hỗ trợ kinh phí và thời gian cho các thành viên học tập nâng cao trình độ- Có quỹ khuyến học của đơn vị	<ul style="list-style-type: none">- Có đầu tư kinh phí hỗ trợ, cơ sở vật chất, thiết bị và những điều kiện đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập của các thành viên: 10 điểm.- Có kinh phí hỗ trợ hoặc cơ sở vật chất, thiết bị: 05 điểm.- Không hỗ trợ: 0 điểm

2	Tiêu chí về kết quả học tập của các thành viên	30		
2.1	100% thành viên trong đơn vị có kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng hàng năm được lãnh đạo phê duyệt	10	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng hàng năm của thành viên được lãnh đạo phê duyệt. - Tự đánh giá của thành viên trong đơn vị (các hình thức học từ xa, học tại TTHTCĐ, nhà văn hoá, câu lạc bộ, tự học qua sách báo...) 	Tỷ lệ thành viên trong đơn vị có kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng và tự đánh giá hàng năm đạt: - Đạt 100%: 10 điểm - Từ 75% đến dưới 100%: 7 điểm - Từ 50% đến dưới 75%: 5 điểm - Từ 20% đến dưới 50%: 2 điểm. - Dưới 20%: 0 điểm.
2.2	100% thành viên trong đơn vị tuân thủ kỷ luật lao động, nội quy làm việc trong đơn vị, có tinh thần hợp tác, đoàn kết và trao đổi	05	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng chấm công của đơn vị - Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm 	Tỷ lệ thành viên trong đơn vị tuân thủ kỷ luật lao động, nội quy, có tinh thần hợp tác, đoàn kết và trao đổi: - Đạt 100 %: 5 điểm. - Từ 75% đến dưới 100%: 3 điểm. - Từ 50% đến dưới 75%: 2 điểm. - Từ 30% đến dưới 50%: 1 điểm. - Dưới 30%: 0 điểm.
2.3	100% thành viên trong đơn vị hoàn thành đầy đủ chương trình học tập, bồi dưỡng bắt buộc theo quy định của nhà nước	10	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách, tổng hợp thông tin về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các thành viên trong đơn vị - Xác nhận của đơn vị đối với các thành viên đã hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng theo quy định kèm theo chương trình học tập, bồi dưỡng và văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa học. 	Tỷ lệ thành viên trong đơn vị hoàn thành chương trình học tập, bồi dưỡng bắt buộc theo quy định đạt: - Đạt 100%: 10 điểm - Từ 75% đến dưới 100%: 7 điểm - Từ 50% đến dưới 75%: 5 điểm - Từ 30% đến dưới 50%: 2 điểm - Dưới 30%: 0 điểm

2.4	100% thành viên trong đơn vị đạt từ danh hiệu “Lao động tiên tiến” trở lên	05	Quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng hàng năm của thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo cấp trên; bằng khen, giấy khen...	<p>Tỷ lệ thành viên trong đơn vị đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” trở lên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt 100%: 5 điểm. - Từ 75% đến dưới 100%: 3 điểm. - Từ 50% đến dưới 75%: 2 điểm. - Từ 30% đến dưới 50%: 1 điểm. - Dưới 10%: 0 điểm.
3	Tiêu chí đánh giá hiệu quả, tác động của xây dựng Đơn vị học tập	40		
3.1	<p>100% thành viên trong đơn vị đáp ứng đầy đủ các năng lực và phẩm chất của Công dân học tập, gồm:</p> <p>a) Có ý thức tuân thủ pháp luật; thực hiện quyền và trách nhiệm công dân đối với gia đình, xã hội.</p> <p>b) Có cam kết học tập suốt đời để phát triển bản thân;</p> <p>c) Có ý thức tổ chức việc học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng;</p> <p>d) Có lối sống lành mạnh, tôn trọng và hòa hợp với môi trường;</p>	25	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm; chứng nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” của địa phương,.... - Bản đăng ký thi đua/ cam kết học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của các thành viên trong đơn vị; - Kết quả đánh giá, công nhận danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”; Danh hiệu “Gia đình văn hóa”. - Danh sách các thành viên trong đơn vị kèm theo trình độ tin học, ngoại ngữ; văn bằng, chứng chỉ tin học; văn bằng, chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ. <p><i>(Đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, có thể</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt 100 %: 25 điểm. - Từ 75% đến dưới 100%: 15 điểm. - Từ 50% đến dưới 75%: 10 điểm. - Từ 20% đến dưới 50%: 5 điểm. - Dưới 20%: 0 điểm.

	<p>đ) Biết sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc;</p> <p>e) Có tư duy phân biện, sáng tạo, tính chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề;</p> <p>g) Tôn trọng và thực hiện bình đẳng giới;</p> <p>h) Hiểu rõ, trân trọng sự đa dạng văn hóa và có cách ứng xử văn hóa phù hợp.</p>		<p><i>sử dụng chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số thay cho chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ).</i></p> <p>Hiệu quả của việc sử dụng CNTT trong giải quyết công việc của các thành viên tại đơn vị</p>	
3.2	Đơn vị đạt từ danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên	10	<p>Quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng hàng năm của cấp có thẩm quyền hoặc Bằng khen, Cờ thi đua của các cấp có thẩm quyền, ...</p>	<p>- Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”: 10 điểm.</p> <p>- Đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”: 05 điểm</p> <p>- Không đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”: 0 điểm</p>
3.3	Góp phần tạo lập môi trường chia sẻ tri thức với các đơn vị khác	05	<p>Các hoạt động chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng với các đơn vị khác; hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (thông qua các hội thảo, hội nghị, cuộc thi, hội thi, các buổi thảo luận, làm việc nhóm, diễn đàn nội bộ, qua mạng internet, các câu lạc bộ...)</p>	<p>Mức độ tham gia của các thành viên 100% : 05 điểm.</p> <p>-Từ 75% đến dưới 100%: 3 điểm.</p> <p>- Từ 50% đến dưới 75%: 2 điểm.</p> <p>- Từ 30% đến dưới 50%: 1 điểm.</p> <p>- Dưới 30%: 0 điểm.</p>